THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ

Giáo viên: Phạm Kiều Phương

1
SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ Hán Việt (in đậm) mà không dùng các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương tự (ghi trong ngoặc đơn)?

*+ **Phụ nữ** Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. (đàn bà)*

*+ Cụ là nhà cách mạng lão thành. Sau khi cụ **từ trần**, nhân dân địa phương đã **mai táng** cụ trên một ngọn đồi. (chết, chôn)*

*+ Bác sĩ đang khám **tử thi**. (xác chết)*

Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.

2
SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ

? Em hãy chỉ ra sự khác biệt về sắc thái nghĩa của các từ ngữ trong các cặp sau:

- *ăn-xơi*
- *trắng tinh-trắng hếu vàng-vàng vọt*
- *người lính-tên lính*

ăn có tính chất trung tính – ***xơi*** có sắc thái trang trọng

trắng tinh có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) – ***trắng hếu*** có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa)

- Những sắc thái nghĩa cơ bản: trang trọng-thân mật, tích cực-tiêu cực, tốt nghĩa-xấu nghĩa,…

- Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt và ngữ cảnh mà từ xuất hiện.

? Em hãy phân biệt sắc thái nghĩa của từ Hán Việt với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt?

- *Sóng gợn **Tràng Giang** buồn điệp điệp (*Huy Cận, *Tràng Giang) – **sông dài***
- *Hôm nay, **phu nhân** Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng.* – vợ
- *Các **phụ huynh** rất mong được biết kết quả học tập, rèn luyện của con em mình.* – cha anh

Tràng Giang có sắc thái cổ kính. Nếu thay ***Tràng Giang*** bằng ***sông dài*** thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này

phu nhân có sắc thái trang trọng. Cách dùng từ ***phu nhân*** (thay vì dùng từ ***vợ***) phù hợp với vị thế của người được nói đến

phụ huynh có sắc thái khái quát, trừu tượng. Từ ***phụ huynh*** không thể thay tế bằng từ ***cha anh***

Nhóm từ Hán Việt thường có sắc thái nghĩa cổ kính, trang trọng hoặc khái quát, trừu tượng, khác hẳn với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt.

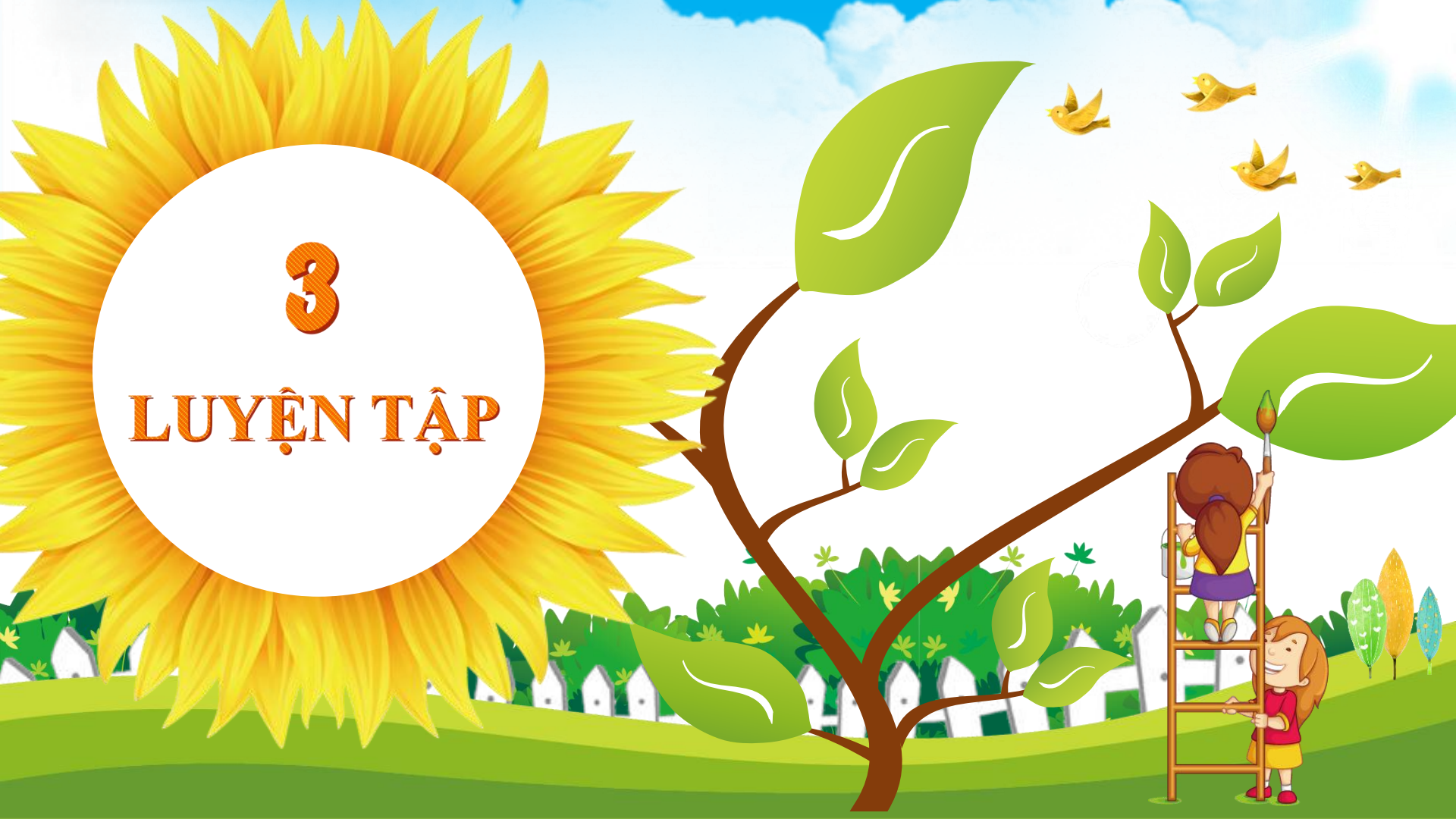
3
LUYỆN TẬP

BÀI TẬP 1

SẮC THÁI TRUNG TÍNH

ngắn

cao

lên tiếng

chậm rãi

SẮC THÁI TIÊU CỰC

cụt lủn

lêu nghêu

cao giọng

chậm chạp

+ *Cụt lủn* là ngắn đến mức đáng ngại
+ *Lêu nghêu* là cao quá cỡ
➔ Cả hai từ này đều gợi lên sự mất cân đối, thiếu thẩm mĩ.
+ *Cao giọng* có phần giống với *lên tiếng*: phát biểu ý kiến để biểu thị quan điểm, thái độ về một vấn đề nào đó.
~ *Lên tiếng* có tính chất trung tính
~ *Cao giọng* thể hiện thái độ bề trên và không đúng đắn
+ *Chậm chạp:*
~ là có tốc độ, nhịp độ dưới mức bình thường rất nhiều (quá chậm) hoặc không được nhanh nhẹn, thiếu linh hoạt.
~ thể hiện ý không mong muốn hay sự đánh giá tiêu cực của người dùng từ này về đối tượng được nói đến.

BÀI TẬP 2

STT	Từ Hán Việt	Giải nghĩa	Đặt câu
1	loạn lạc	tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn	Thời buổi loạn lạc, làm việc gì cũng phải cẩn trọng cháu à!
2	gian nan	có nhiều khó khăn, gian khổ phải vượt qua	Để doanh nghiệp có thành tựu hôm nay, anh ấy đã phải trải qua rất nhiều gian nan.
3	triều đình	nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước, thường dùng để chỉ cơ quan trung ương của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu	Ta phụng mệnh triều đình mà hành sự, các ngươi không thể không tuân theo.
4	tể phụ	chức quan hàng đầu triều đình giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng	Các quan đều chăm chú lắng nghe khi quan tể phụ dâng tấu lên nhà vua.
5	thác mệnh	mượn nhờ mệnh lệnh	Hắn thác mệnh nhà vua để ra oai với và con bách tính.
6	không cùng	không có chỗ tận cùng, không có giới hạn	Tham vọng về tiền bạc và địa vị của hắn là không cùng.
7	giả hiệu	chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải; mượn dnah hiệu khác, cốt để đánh lừa	Gã ấy là một kẻ quân tử giả hiệu.

BÀI TẬP 3

Từ *vĩ đại* mang sắc thái trang trọng hơn so với từ *to lớn*

Từ *chết* trung tính

Từ *hi sinh* mang sắc thái trang trọng, cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả

Từ *mất* mang sắc thái giảm nhẹ so với *chết*

Từ *chết* trung tính

Từ *hi sinh* mang sắc thái trang trọng, cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả

Từ *mất* mang sắc thái giảm nhẹ so với *chết*

BÀI TẬP 4

STT	Từ Hán Việt	Từ đồng nghĩa thay thế từ Hán Việt
1	phu nhân	vợ
2	đế vương	vua, bậc vua chúa
3	thiên hạ	mọi người
4	nội thị	người hầu trong cung

➔ **Việc sử dụng các từ ngữ in đậm đó đã đem lại sắc thái cổ kính, trang trọng cho lời văn.**

04
VẬN DỤNG

Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) làm rõ tính chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ mà em ấn tượng nhất. Trong đoạn văn có sử dụng các từ Hán Việt.

THANK YOU!